



gè chù
各处

noun · everywhere; various places

Example Sentences

Gōng yuán gè chù dōu yǒu xiān huā

公 园 各 处 都 有 鲜 花。

There are flowers everywhere in the park.

Tā zài chéng shì gè chù xún zhǎo gōng zuò jī huì

他 在 城 市 各 处 寻 找 工 作 机 会。

He looked for job opportunities in various places around the city.

Trace each character, then write the word on your own.

各	各	各	各	各	各	各	各	各		
处	处	处	处	处	处	处	处			